

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÒA BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 9 - 2024

V/v: ly hôn, T/c nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH – TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nghiêm Hoài Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Lan** và bà **Phạm Thị Nga**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ninh Viết Tùng**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa:

Ông **Đình Việt Thái** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị **Nguyễn Thị H**. Sinh năm 1982.

- **Bị đơn**: Anh **Trần Văn S**. Sinh năm 1984.

Cùng ĐKKHKT: xóm T, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định. Hiện cùng trú tại: nhà A tập thể Công ty M, tổ C, phường T, TP H, tỉnh Hòa Bình.

Chị **H**, anh **S** đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và tại lời khai trong suốt quá trình tố tụng, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H** trình bày:

Chị kết hôn và chung sống cùng anh **Trần Văn S** từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện V, tỉnh Nam Định theo đúng pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng lên TP H ở và làm việc cho tới nay. Thời gian đầu vợ chồng

chung sống bình thường, cùng làm công nhân may. Tuy nhiên, từ khi anh **S** bỏ việc ở Hòa Bình để vào Đà Nẵng tìm việc thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh **S** thiếu sự quan tâm dành cho vợ con. Vợ chồng sống ly thân đã hơn 10 năm nay, không ai quan tâm tới ai, tình cảm không còn nên chị **H** xin ly hôn anh **S**.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên là **Trần Nguyễn Mai T** (sinh ngày 10/10/2007). Cháu **T** hiện đang sống cùng chị **H**. Khi ly hôn, chị **H** xin được nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

2. *Tại bản tự khai, bị đơn anh **Trần Văn S** trình bày:*

Vợ chồng anh kết hôn tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chuyển lên **TP H** làm ăn, sinh sống. Anh **S** thừa nhận vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và đã sống ly thân nhau, tình cảm không còn, anh **S** đồng ý ly hôn với chị **H**. Về con chung: anh **S** đồng ý để chị **H** nuôi cháu **T**. Việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận. Tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị **H** được ly hôn anh **S**. Về con chung: giao cháu **T** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận. Tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập giải quyết. Chị **H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự:

Chị **Nguyễn Thị H** khởi kiện vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình với anh **Trần Văn S**. Anh **S** có nơi cư trú tại **TP H, tỉnh Hòa Bình**; đồng thời vợ chồng có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân TP Hòa Bình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Hòa Bình.

Chị **H**, anh **S** có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Các đương sự cùng đề nghị được xét xử

vắng mặt. Do đó, việc Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn S kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân gia đình. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống do tính tình không hợp, thiếu sự tin tưởng dành cho nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm tới ai. Tình cảm không còn, cả hai đều đề nghị Tòa án cho ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh S đã trầm trọng và không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh S.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung:

Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Nguyễn Mai T (sinh ngày 10/10/2007). Cháu T hiện đang ở cùng chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Các đương sự không đề nghị giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đề cập.

Về tài sản chung và nợ chung: đương sự trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn S.
- Về con chung: có 01 con chung tên là Trần Nguyễn Mai T (sinh ngày 10/10/2010). Khi ly hôn, giao cháu T cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: đương sự chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị **H** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị **H** đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình theo biên lai số 0000484 ngày 18/7/2024, nay được đối trừ và không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị **H** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh **S** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp, tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPHB;
- VKSND tỉnh HB;
- Chi cục THADS TPHB;
- Tòa án ND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh HB;
- UBND x. Kim Thái (số 15/2006);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nghiêm Hoài Anh